

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 273/2018/DS-PT

Ngày: 09/8/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: + Ông Phan Văn Huyện

+ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử Pc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2018/TLPT-DS ngày 03/7/2018 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng góp hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 162/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ C, sinh năm 1961, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993, (có mặt);

Địa chỉ: Số 35, V, phường B, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971, (xin vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1972, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1993, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Nguyễn Bảo Kha H, sinh năm 1993, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – chị Dương Mỹ L trình bày:* Vợ chồng ông P, bà N có tham gia chơi các dây hội do bà Hồ C (tên thường gọi là T2) làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Hội khui ngày 07/9/2015 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, dây hội có 26 phần, hội mẫn ngày 07/9/2017 âm lịch do nhuần 02 tháng 6/2017. Ông P, bà N hốt vào kỳ khui hội thứ 2 ngày 07/10/2015 âm lịch với số tiền 17.660.000 đồng, ông bà còn phải đóng lại 24 kỳ hội chết với số tiền 24.000.000 đồng. Khi hốt hội ông bà có làm giấy hốt hội vào ngày 07/10/2015 và cùng ký tên.

Do hội hiện chưa mẫn nên tính đến tháng 10/7/2017 thì ông P, bà N vi phạm 21 kỳ hội chết: 1.000.000 đồng x 21 kỳ = 21.000.000 đồng.

- Hội khui ngày 07/9/2015 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, dây hội có 26 phần, hội mẫn ngày 07/9/2017 âm lịch do nhuần 02 tháng 6/2017. Ông P, bà N tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khui hội thứ 4 ngày 07/12/2015 âm lịch với số tiền 16.910.000 đồng. Ông P, bà N còn phải đóng lại 22 kỳ hội chết với số tiền 22.000.000 đồng. Khi hốt hội hai bên có làm biên nhận hốt hội. Tính đến ngày 10/7/2017, ông P, bà N vi phạm 20 kỳ hội chết x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Hội khui ngày 07/9/2015 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, dây hội có 26 phần, hội mẫn ngày 07/9/2017 âm lịch do nhuần 02 tháng 6/2017. Ông P, bà N tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khui hội thứ 5 ngày 07/01/2016 âm lịch với số tiền 21.140.000 đồng, ông P, bà N còn phải đóng lại 21 kỳ hội chết với số tiền 21.000.000 đồng. Khi hốt hội hai bên có làm biên nhận hốt hội. Tính đến ngày 10/7/2017, ông P, bà N vi phạm 19 kỳ hội chết x 1.000.000 đồng = 19.000.000 đồng.

Tổng cộng đến tháng 7/2017 âm lịch, ông P, bà N còn nợ tổng số tiền 60.000.000 đồng, số tiền chưa vi phạm là 7.000.000 đồng.

Nay bà C yêu cầu ông P, bà N trả số tiền 67.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn – ông Nguyễn Thanh P trình bày:* Ông thừa nhận có tham gia chơi hội do bà Hồ C làm đầu thảo như đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày nhưng ông không có vi phạm hợp đồng theo lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn, cụ thể:

- Hụi khui ngày 07/9/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 26 phần, ông và bà N tham gia 01 phần, hốt vào kỳ khui hụi thứ 2 với số tiền 17.660.000 đồng, có làm biên nhận. Sau khi hốt hụi ông đóng tới ngày 07/01/2017 âm lịch, mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng hụi chết. Từ ngày 07/02/2017 âm lịch đến nay, ông không đóng vì bà C không đến gom hụi nữa.

- Hụi khui ngày 07/9/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 26 phần, ông và bà N tham gia 01 phần và hốt ở kỳ khui hụi thứ 4 với số tiền 16.910.000 đồng, có làm biên nhận. Sau khi hốt hụi ông đóng tới ngày 07/01/2017 âm lịch, mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng hụi chết. Từ ngày 08/02/2017 âm lịch đến nay, ông không đóng vì bà C không đến gom hụi nữa.

- Hụi khui ngày 07/9/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 26 phần, ông và bà N tham gia 01 phần và hốt ở kỳ khui hụi thứ 5 với số tiền 21.140.000 đồng, có làm biên nhận. Sau khi hốt hụi ông đóng tới ngày 07/01/2017 âm lịch, mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng hụi chết. Từ ngày 08/02/2017 âm lịch đến nay, ông không đóng vì bà C không đến gom hụi nữa.

Trong tất cả các dây hụi trên do con gái bà C là Nguyễn Bảo Kha H đi gom hụi bà C không có đi gom hụi.

Ông xác định và biết tên bà Hồ C thường gọi là bà T2, đây là tên được ghi trong biên nhận hốt hụi. Ông P xác định tên T2 và bà C là 01 người.

Nay bà C khởi kiện ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả số tiền hụi chết của 03 dây hụi trên từ ngày 07/02/2017 âm lịch đến nay, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng x 03 dây = 3.000.000 đồng vì ông không vi phạm thời gian đóng hụi chết mà do bà C không đi gom hụi.

**Bị đơn – Bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà Thống nhất với ý kiến của ông P.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

– *Chị Lê Thị Ngọc Y trình bày:* Chị là con của ông P, bà N, khi bà C giao hụi cho cha mẹ chị thì ông P không có nhà nên chị là người ký tên nhận số tiền hụi. Theo nguyên tắc của bà Hồ C thì phải có hai người ký nhận mới được nhận tiền nên chị đã ký tên thay cho cha chứ chị không có liên quan.

– *Chị Nguyễn Bảo Kha H trình bày:* Chị là con của bà C, chị không biết gì về hợp đồng góp hụi giữa mẹ chị và ông P, bà N. Chị có đi gom hụi của ông P, bà N thay cho mẹ vài lần (không nhớ cụ thể số tiền) trong các dây hụi khác mà ông bà tham gia. Đối với 03 dây hụi bà C đang khởi kiện, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 162/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 30/QĐ-SCBSBA ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ C.

Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hồ C số tiền là 61.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày **02/10/2017**, bị đơn ông Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông và bà N trả 61.000.000 đồng. Chấp nhận cho ông và bà N trả cho bà C số tiền hui chết của 03 dây hui từ ngày 07/02/2017 âm lịch đến nay, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Trương Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Thanh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh P, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Bảo Kha H, chị Lê Thị Ngọc Y có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G tuyên xử buộc ông và bà N trả cho bà Hồ C số tiền hui chết tổng cộng 61.000.000 đồng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và bà N. Sau khi ông hót 03 dây hui thì ông đã đóng hui chết cho bà C đến ngày 07/01/2017 âm lịch, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng (mỗi dây hui đóng 1.000.000 đồng). Từ ngày 08/02/2017 đến nay, ông bà không đóng vì bà C không đến gom hui nữa. Vì vậy, ông không đồng ý trả toàn bộ số tiền hui chết theo yêu cầu của bà C bởi, ông không có vi phạm nghĩa vụ đóng hui chết. Do đó, ông kháng cáo yêu

cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận cho ông và bà N trả bà C số tiền hụi chết của 03 dây hụi tính từ ngày 07/02/2017 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng x 03 dây = 3.000.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, ông và đại diện ủy quyền của nguyên đơn đều thống nhất về việc ông P, bà N có tham gia 03 dây hụi do bà C làm đầu thảo, cả hai cũng thống nhất về thời gian hốt hụi và số tiền hụi mà ông P, bà N hốt được. Tuy nhiên, ông P, bà N cho rằng sau khi hốt hụi thì ông bà đã đóng hụi chết đầy đủ đến ngày 07/02/2017 âm lịch mới không đóng với lý do là bà C không đến gom hụi nữa chứ ông bà không có vi phạm thời gian đóng hụi chết. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị T cho rằng, ông và bà N đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết, sau khi ông P, bà N hốt hụi thì không đóng cho bà C phần tiền hụi chết nào cả.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông P là có cơ sở một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, bởi căn cứ vào các tờ biên nhận hốt hụi có chữ ký của ông P, bà N (bút lục 50, 51, 52) thì giao dịch chơi hụi giữa bà C với vợ chồng ông P là có thật, ông P, bà N đã hốt 03 dây hụi như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày, đồng thời ông P cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền hốt hụi như biên nhận mà nguyên đơn cung cấp. Sau khi hốt hụi, ông P, bà N cho rằng ông bà đã đóng hụi chết cho bà C đến ngày 07/01/2017 âm lịch thông qua chị H là con bà C trực tiếp đi gom hụi nhưng việc này bà C và chị H đều không thừa nhận. Chị H cho rằng chị có đi gom hụi của ông P, bà N thay cho mẹ chị là bà C nhưng là các dây hụi khác không phải 03 dây hụi trên. Điều này chứng minh ông P, bà N không có đóng hụi chết cho bà C như ông đã trình bày. Tại phiên tòa, ông P cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc ông đã đóng hụi chết cho bà C đến ngày 07/01/2017 âm lịch. Tuy nhiên, dây hụi thứ nhất ông P hốt kỳ thứ 02 không đóng và chị H không gom hụi thì dây hụi thứ hai ông P trúng thăm hốt kỳ thứ 04 thì bà Hồ C (chủ hụi) khi giao tiền hụi dây thứ hai đương nhiên trừ 02 tháng tiền hụi chết của dây hụi thứ nhất là 2.000.000 đồng; Dây hụi thứ ba, ông P trúng thăm và hốt kỳ hụi thứ 5, nếu ông P không đóng hụi chết của dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai thì bà Hồ C sẽ trừ vào tiền giao hụi dây thứ ba là 2.000.000 đồng nữa. Tổng cộng là 4.000.000 đồng, còn những tháng kế tiếp ông P không có chứng cứ chứng minh là mình có đóng hụi chết, nên Hội đồng xét xử không xem xét được. Do vậy, số tiền vợ chồng ông P phải trả là (61.000.000 đồng – 4.000.000 đồng) = 57.000.000 đồng. Việc Tòa sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông P và bà N liên đới trả số tiền hụi chết tính

từ tháng sau khi bị đơn hốt hui đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án với tổng số tiền là 61.000.000 đồng là chưa xem xét toàn diện vụ án nên chỉ đúng một phần theo nhận định trên. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, có những kỳ hui chưa đến hạn nên Tòa không giải quyết phần tiền hui chết của những kỳ hui này. Nguyên đơn có thể khởi kiện các kỳ hui này bằng vụ kiện khác khi các dây hui mãn.

Từ những phân tích như đã nêu trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Thanh P, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 471, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ khoản 4 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 162/2017/DSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ C.

Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hồ C số tiền hui chết là 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông P, bà N chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông P đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 35674 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G nên được khấu trừ vào án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông P, bà N còn phải nộp 2.550.000 đồng.

Bà Hồ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.675.000 đồng theo biên lai thu số 35499 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Như vậy, bà Hồ C được hoàn lại 1.375.000 đồng.

3. Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 09 giờ ngày 09/8/2018 có mặt bị đơn, vắng mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

